

Số: 473/2026/QĐST-HNGĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số 636/2026/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông Mai Vũ L, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 096097001299; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 2000; căn cước công dân số: 089300017746; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thái D, số B N, tổ E, khu I, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/7/2026, ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N đều thừa nhận do khác biệt quan điểm, lối sống, tính cách nên trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, không có sự tôn trọng lẫn nhau, không khí trong gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn và không thể hàn gắn nên ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông L và bà N có 01 (một) con chung là cháu Mai Mỹ D1, sinh ngày 20/8/2018. Sau khi ly hôn ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N thỏa thuận ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Mỹ D1.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Mai Mỹ D1, sinh ngày 20/8/2018 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định này có hiệu lực đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí do ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N đã nộp theo biên lai thu số 0040642 ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao con chung là Mai Mỹ D1, sinh ngày 20/8/2018 cho ông Mai Vũ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Mai Mỹ D1, sinh ngày 20/8/2018 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định này có hiệu lực đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[1.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí do ông Mai Vũ L và bà Trần Thị Mỹ N đã nộp theo biên lai thu số 0040642 ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã V, tỉnh An Giang (GCNKH số 16 ngày 12/02/2019);
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Ngân